

Bản án số: **91/2020/HC - PT**

Ngày: 26-6-2020

*V/v: “Khiếu kiện hành vi hành chính
buộc giao giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt
hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về: “*Khiếu kiện hành vi hành chính buộc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HCTST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L; cùng địa chỉ: Thôn Th, xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị. Ông D có mặt, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Cao Văn D (Chồng bà L); địa chỉ: Thôn Th, xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Quyết Q - Luật sư Công ty luật Quyết Q thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện: UBND huyện V1; địa chỉ: Đường H, thị trấn H1, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị K - Phó Chủ tịch UBND huyện V1, tỉnh Quảng Trị (Theo giấy ủy quyền số 2451/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện V1, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Đường H, thị trấn H1, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn N - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1; địa chỉ: Đường H, thị trấn H1, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H2 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND xã V - địa chỉ: xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc Ng - Chủ tịch UBND xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Ngọc T1 - Cán bộ địa chính xã V, huyện V1; địa chỉ: xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2019, bản ý kiến, cung cấp chứng cứ bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Thực hiện chủ trương của Nhà nước di dân lên vùng miền Tây để khai hoang phục vụ hóa, trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Năm 1996, gia đình ông Cao Văn D làm đơn xin giao khoảng 6 đến 7ha đất trồng cây lâm nghiệp tại vùng K1 thuộc dự án kinh tế mới Bắc sông B1 tại tờ bản đồ số 8, liền kề với thửa đất số 164 của ông Tạ Văn N1. Sau khi được Ban quản lý Tập đoàn kinh tế mới và UBND xã V kiểm tra xác minh là đất sạch, không có tranh chấp nên đã giao cho gia đình 07ha đất vào ngày 25/10/1996.

Ngày 29/11/1996, ông D nhận chuyển nhượng của ông Tạ Văn N1 105.390m² đất, gồm 02 thửa: Thửa 208, tờ bản đồ 5 diện tích 27.225m² (trong đó có 400m² đất ở); thửa 164, tờ bản đồ số 8, diện tích 78.165m². Việc chuyển nhượng là hợp pháp và UBND xã xác nhận ngày 29/11/1996, hồ sơ nộp cho UBND xã cùng ngày. Như vậy, tại tờ bản đồ số 8 gia đình ông D được cấp và nhận chuyển nhượng từ ông N1 có tổng diện tích từ 138.165m² đến 148.165m² đất.

Tháng 02/1998, ông D đã lập 02 bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ), trong đó 01 bộ hồ sơ xin cấp mới 07 ha và 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng từ ông N1 sang ông D diện tích 105.390m². Ngày 01/4/1998, ông D đã nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận với số tiền 576.000 đồng.

Đến năm 2016, ông Cao Văn D được biết ngày 14/7/2003, gia đình ông D và bà L được UBND huyện V1 ra Quyết định số 2314/QĐ- UB cấp giấy CNQSDĐ số X 434038/QSDĐ với diện tích 46.538m². Sau đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 bàn giao cho ông Phan Ngọc T1 - Cán bộ địa chính xã V để giao trả cho gia đình, nhưng ông T1 không giao mà chiếm giữ giấy CNQSDĐ của ông D và bà L. Ngày 15/8/2017, khi ông D khiếu nại lên UBND huyện V1 thì ông Phan Ngọc T1 đưa giấy CNQSDĐ của ông D nộp lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1. Biết được sự việc trên ông D trực tiếp đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 yêu cầu giao giấy CNQSDĐ thì ông Lê Văn N - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 không chịu trả mà tiếp tục chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 để lưu trữ. Ông D đến gặp ông Trần Văn H2 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 để yêu cầu giao giấy CNQSDĐ nhưng ông Hoàn trả lời bằng văn bản: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉ có nhiệm vụ lưu trữ, còn việc giao giấy CNQSDĐ thuộc thẩm quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1.

Trong giai đoạn TAND huyện V1 đang thụ lý giải quyết vụ án, thì ngày 09/10/2018, UBND huyện V1 đã ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông D. Ông D cho rằng UBND huyện căn cứ Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 là văn bản đã bị Nghị định số 181/2004 ngày 29/10/2004 hủy bỏ nên không có giá trị pháp lý. Ông D không đồng ý quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ của UBND huyện V1.

Việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1, ông Phan Ngọc T1 - Cán bộ địa chính xã V chiếm giữ trái phép giấy CNQSDĐ của gia đình ông D gần 17 năm là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình. Vì vậy, ông D và bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện V1, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao giấy CNQSDĐ số X434038/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 cho gia đình ông D, bà L và yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại thực tế mà gia đình ông D, bà L phải tốn nhiều công sức sau gần 17 năm đi đòi giấy CNQSDĐ, gồm các khoản: Tiền công mất thu nhập là 37.400.000 đồng, tiền xăng xe máy đi về 3.400.000 đồng; 10,5ha đất bị mất thu nhập 1.785.000.000đ. Tổng cộng 1.825.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông D và bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Không yêu cầu giao giấy CNQSDĐ số X434038/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 vì giấy chứng nhận này đã bị UBND huyện V1 thu hồi và hủy bỏ, không còn đối tượng để khởi kiện; không yêu cầu bồi thường 10,5ha đất bị mất thu nhập với số tiền là 1.785.000.000đ. Ông D và bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Đề nghị xem xét tính pháp lý của việc giấy chứng nhận CNQSDĐ số X434038/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 nhưng từ năm 2003 đến năm 2018 vẫn không giao cho gia đình ông D; giữ nguyên yêu cầu buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1, UBND xã V và ông Phan Ngọc T1 bồi thường tiền công mất thu nhập 37.400.000 đồng, tiền xăng xe máy đi về 3.400.000 đồng. Tổng cộng 40.800.000đ.

Tại bản trình bày ý kiến số 1034/UBND-TNMT ngày 20/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bị kiện là UBND huyện V1 trình bày:

Về hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho ông Cao Văn D: Năm 2003, Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Trị thực hiện việc đo đạc địa chính và cấp giấy CNQSDĐ cho nhân dân trên địa bàn xã V và bàn giao cho Phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện ngày 11/8/2003. Về quy trình cấp giấy: Sau khi đo đạc lập hồ sơ, xét công khai tại xã thì trình UBND huyện cấp giấy. Về thủ tục cấp giấy: Từ năm 2003 đến tháng 4/2005 do Phòng Nông nghiệp Địa chính huyện thực hiện, từ tháng 4/2005 đến 6/2005 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cấp đổi. Sau khi thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì việc lưu giữ và cấp giấy do Văn phòng đăng ký QSDĐ thực hiện: Trường hợp các hộ đã có giấy mà diện tích không thay đổi thì nộp lại giấy cũ và nhận giấy mới; trường hợp chưa có giấy thì lập hồ sơ chuyển thông tin nộp thuế theo quy định và sau đó nhận giấy. Trong quá trình cấp giấy, Văn phòng đăng ký QSDĐ đã thông báo cho các xã trên địa bàn huyện để cấp đổi giấy cho nhân dân. Do nhân dân đến tại văn phòng nhận kéo dài nên để thuận tiện cho việc cấp đổi, tháng 10/2010 Văn phòng đã chuyển giấy cho các xã để thực hiện công tác cấp đổi.

Đối với hồ sơ của ông Cao Văn D là hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Tạ Văn N1 năm 1996 (ông N1 đã được cấp giấy số C 0970044 ngày 16/5/1995). Sau khi chuyển nhượng, ông D không lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 10, 11 của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 22/6/1994 và Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ. Năm 2002 ông D lập hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ không đúng theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001.

Ngày 14/7/2003, hộ ông D được cấp giấy CNQSDĐ số X434038/QSDĐ với diện tích 46.538 m² gồm các thửa 99, 100, 102, tờ bản đồ số 48 xã V, huyện V1 (là diện tích nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N1 năm 1996 nhưng không lập theo đúng trình tự, chưa thu hồi giấy đã cấp cho ông N1 là vi phạm khoản 2

Điều 75 Luật đất đai năm 1993). Từ năm 2003 đến tháng 10/2010, giấy CNQSDĐ của ông D được lưu giữ tại Phòng địa chính, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai huyện để giao cho ông D. Từ tháng 10/2010 đến ngày 17/5/2017 giấy chứng nhận được giao về xã để giao cho hộ dân. Từ ngày 17/5/2017 đến 27/7/2017 bàn giao lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để cung cấp thông tin cho Thanh tra huyện, sau đó được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện.

Về giải quyết khiếu nại của ông D liên quan đến giấy CNQSDĐ số X434038/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003: Năm 2006, ông D khiếu nại việc ông Nguyễn Khắc Cận lấn chiếm đất đai. Ngày 01/6/2006, Thanh tra huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã V đã giải quyết khiếu nại, ông D đồng ý và thống nhất lập thủ tục để cấp giấy chứng nhận do nhận chuyển nhượng đất từ ông N1. Ngày 20/8/2008, Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện đã trả lại hồ sơ chuyển nhượng đất cho ông D do hồ sơ chưa được UBND xã V xác nhận, đồng thời yêu cầu ông D lập lại hồ sơ theo đúng quy định. Ngày 01/7/2016, ông D có đơn tố cáo UBND huyện V1. UBND huyện đã giao cho UBND xã V giải quyết và đã có báo cáo số 13/BC-UBND ngày 11/7/2016. Ngày 20/12/2016, ông D có đơn kiến nghị về việc cấp giấy CNQSDĐ và tranh chấp đất đai. UBND huyện đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với thanh tra huyện và UBND xã V tham mưu và có báo cáo số 44/BC-TNMT ngày 10/3/2017. Ngày 17/3/2017, UBND huyện V1 có công văn số 274/BND-TNMT giao thanh tra huyện thẩm tra xem xét hủy bỏ tính pháp lý của giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông D. Ngày 09/10/2018, UBND huyện V1 đã ban hành quyết định số 2828/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ số X434038/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 theo quyết định số 2314/QĐ-UB cho hộ ông Cao Văn D, với lý do: Giấy chứng nhận cấp không đúng thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất để được cấp giấy CNQSDĐ và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 về đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSDĐ.

Như vậy, hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ số X 434038/QSDĐ theo quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 14/7/2003 cho hộ ông D không đúng quy định của pháp luật nên UBND huyện đã ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ theo quy định, do đó giấy chứng nhận không còn giá trị pháp lý để giao cho hộ ông D. Mặt khác, việc sử dụng đất và tranh chấp đất đai đối với thửa đất trên đã được UBND huyện giải quyết, đề nghị ông D thực hiện việc đăng ký sử dụng đất và lập hồ sơ cấp giấy theo đúng quy định luật đất đai năm 2013. UBND huyện V1 không có ý kiến gì về việc ông D và bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại: Không chấp nhận vì không gây thiệt hại.

Theo ý kiến tại công văn số 406/CV-TNMT ngày 20/8/2019; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn N - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 trình bày:

Về việc lập hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho ông Cao Văn D; việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D liên quan đến giấy CNQSDĐ số X 434038 tương tự nội dung do UBND huyện V1 đã trình bày, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thống nhất và đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông D và bà L: Do đất ông D được cấp giấy chứng nhận là đất chuyển nhượng nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và nghĩa vụ tài chính, giấy chứng nhận được cấp đã bị thu hồi, hủy bỏ nên Phòng Tài nguyên và Môi trường không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông D và bà L.

Theo văn bản trình bày ý kiến số 48/CNVPĐKĐĐ ngày 04/5/2018, số 62/CNVPĐKĐĐ ngày 20/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn H2 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 trình bày:

Ngày 12/10/2010, Văn phòng đăng ký đất đai huyện có biên bản bàn giao cho UBND xã V 320 giấy CNQSDĐ, trong đó có giấy CNQSDĐ của hộ ông D.

Đến ngày 08/5/2017, UBND xã V bàn giao lại giấy CNQSDĐ X434038/QSDĐ của hộ ông D cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1.

Đến ngày 27/7/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường bàn giao lại giấy CNQSDĐ của hộ ông D cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1 để thực hiện việc lưu trữ hồ sơ và thực hiện cung cấp thông tin về việc sử dụng đất theo quy định. Đến ngày 09/10/2018 UBND huyện V1 ra quyết định số 2828/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ nói trên. Thực hiện QĐ số 2828/QĐ-UBND, Văn phòng Đăng ký đất đai huyện đã thực hiện việc thu hồi và hủy bỏ giấy CNQSDĐ của ông D và chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Việc lưu giữ cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai được thực hiện theo quyết định số 1077/QĐ-STNMT ngày 19/5/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông D và bà L: Không chấp nhận vì không có căn cứ.

Theo văn bản trình bày ý kiến số 30/BC-UBND ngày 26/9/2019, biên bản làm việc ngày 02/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND xã V trình bày:

Trước năm 2003, ông D nhận chuyển nhượng đất từ ông N1 với diện tích 81.303m². Tuy nhiên, quá trình chuyển nhượng chưa thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng từ ông N1 sang cho ông D.

Năm 2003, khi thực hiện dự án đa dạng hóa được Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Trị đo đạc trên địa bàn toàn xã, UBND huyện cấp đổi giấy CNQSDĐ cho các hộ trên địa bàn xã. Trong quá trình thực hiện, ban quản lý dự án cùng với HTX Tân Thủy đã làm thủ tục và đề nghị UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông D với diện tích 46.538m² trong tổng số 78.165m² của thửa 164 nhận chuyển nhượng từ ông N1. Năm 2010, sau khi nhận giấy CNQSDĐ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện chuyển về giao cấp đổi cho các hộ dân, ông Phan Ngọc T1 - Cán bộ địa chính xã phát hiện việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông D chưa đúng theo trình tự vì đất ông D đang sử dụng là nhận chuyển nhượng từ ông N1 nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng. Vì vậy, cán bộ địa chính xã báo cho ông D hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nhưng ông D không thực hiện. Đến ngày 26/3/2016, theo yêu cầu của ông D, UBND xã đã giới thiệu ông D đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện để đo đạc và làm các thủ tục tiếp theo thì phát hiện đất của hộ ông D và ông Cận được cấp giấy CNQSDĐ có sự chồng lấn. Cán bộ địa chính xã tiếp tục hướng dẫn cho ông D làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đất theo quy định nhưng ông D không hợp tác mà chỉ yêu cầu được nhận giấy CNQSDĐ đã được cấp theo quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 14/7/2003 của UBND huyện V1, vì vậy vụ việc kéo dài cho đến nay.

Ngày 08/9/2016, UBND xã V đã có báo cáo gửi UBND huyện V1 và đề nghị UBND huyện V1 thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông D ngày 14/7/2003, với lý do: Việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông D chưa đúng quy định pháp luật, vì diện tích 46.538m² được cấp nằm trong diện tích 78.165m² đất ông D nhận chuyển nhượng từ ông N1 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Kiến nghị UBND huyện V1 thụ lý hồ sơ cấp lại giấy CNQSDĐ cho ông D theo đúng quy định của luật đất đai.

Qua sự việc trên, UBND xã V nhận thấy: Khi làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ hộ ông D cũng như các hộ dân phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, trường hợp của ông D không muốn thực hiện nghĩa vụ tài chính mà lại muốn được nhận giấy CNQSDĐ trong khi chưa làm thủ tục chuyển nhượng.

UBND xã V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án khách quan bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp các bên.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Ngọc T1 trình bày:

Ông T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo sự phân công của UBND xã V về việc nhận hồ sơ giao giấy CNQSDĐ. Năm 2002, UBND xã V được Trung

tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Trị đo đạc theo bản đồ lưới trong toàn xã để UBND huyện V1 cấp đổi giấy CNQSDĐ cho các hộ dân. Sau khi hoàn thành dự án, các hộ dân đưa giấy chứng nhận cũ đến đổi và nhận giấy chứng nhận mới. Tháng 10/2010 Văn phòng đăng ký đất đai huyện chuyển 320 giấy CNQSDĐ cho UBND xã V để giao cho các hộ dân, trong đó có giấy CNQSDĐ của ông D. Do đất ông D được cấp giấy là đất nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N1 nhưng chưa hoàn thành thủ tục tài chính, chuyển quyền sử dụng đất nên ông T1 chưa giao giấy CNQSDĐ cho ông D. Đến tháng 5/2017 thì bàn giao lại giấy cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1 nên ông T1 không có trách nhiệm phải giao giấy CNQSDĐ cho ông D.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, UBND huyện V1 đã ra quyết định số 2828/QĐ-UBND, thu hồi và hủy bỏ giấy CNQSDĐ số X434038 cấp cho hộ ông Cao Văn D với lý do: Giấy CNQSDĐ số X434038 cấp cho hộ ông D không đúng thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông D, ông T1 không chấp nhận vì ông T1 không có lỗi dẫn đến những thiệt hại theo yêu cầu của ông D.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định.

Căn cứ vào khoản 3, 4, 9 Điều 3; khoản 1 Điều 7; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1, 6 và khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L về việc buộc UBND huyện V1, tỉnh Quảng Trị; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1; UBND Vĩnh Thủy và ông Phan Ngọc T1 (Cán bộ địa chính xã V) giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X434038 theo quyết định cấp đổi giấy CNQSDĐ số 2314/QĐ-UB ngày 14/7/2003 của UBND huyện V1.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L về việc buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1; UBND xã V và ông Phan Ngọc T1 (Cán bộ địa chính xã V) bồi thường thiệt hại ngày công mất thu nhập, chi phí đi lại với số tiền là 40.800.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án, với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1; UBND xã V và ông

Phan Ngọc T1 (Cán bộ địa chính xã V) bồi thường thiệt hại ngày công mất thu nhập, chi phí đi lại với số tiền là 40.800.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 25/10/1996, ông Cao Văn D có đơn gửi UBND xã V, Phòng địa chính và UBND huyện V1 về việc xin đất để thực hiện phủ xanh đất trống, đồi núi trọc tại vùng đất K1 với diện tích khoảng 6 đến 7ha đất. Đơn được ông Lê Phước Đoài - Tập đoàn trưởng tập đoàn kinh tế mới xác nhận ngày 30/10/1996 và UBND xã V xác nhận ngày 25/11/1996.

[2] Cùng trong năm 1996, ông D nhận chuyển nhượng đất của ông Tạ Văn N1 theo giấy CNQSDĐ mà ông N1 đã được UBND huyện V1 cấp số C 0970044, ngày 16/5/1995, với diện tích 105.390m², trong đó thửa 164 có diện tích 78.165m², giấy chuyển nhượng được UBND xã V xác nhận ngày 29/11/1996. Theo ông D, tổng diện tích đất ông xin giao và nhận chuyển nhượng từ 138.165m² đến 148.165m².

Năm 2002, thực hiện dự án đa dạng hóa, Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Trị tiến hành đo đất dạng lưới trên địa bàn huyện V1, trong đó có xã V. Ngày 26/9/2002, ông D có đơn xin đăng ký QSDĐ với tổng diện tích là 81.283m² đối với 16 thửa, tờ bản đồ số 48. Căn cứ đơn và xác nhận của UBND xã V, ngày 14/7/2003 UBND huyện V1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, trong đó ông D và bà L được cấp Giấy chứng nhận số X434038 theo Quyết định số 2314/QĐ-UBND, với diện tích 46.538m² gồm các thửa 99, 100, 102 (03/16 thửa đất ông D xin cấp).

Ngày 11/8/2003, Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Trị chuyển giao cho Phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện V1 580 giấy CNQSDĐ cấp đổi của xã V; ngày 15/6/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có thông báo

số 24/CV-TNMT về việc đề nghị các xã đẩy nhanh tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ dân; ngày 17/9/2007 Văn phòng đăng ký đất đai huyện thông báo lịch cấp đổi giấy CNQSDĐ đối với các xã; ngày 12/10/2010, Văn phòng đăng ký đất đai huyện bàn giao cho UBND xã V 320 giấy chứng nhận để cấp đổi cho các hộ dân, trong đó có yêu cầu chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế đối với những trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính Nhà nước nếu có; ngày 20/10/2010 và ngày 26/8/2013 UBND xã V đã có thông báo cho người dân trong xã đến cấp đổi lại giấy CNQSDĐ.

[3] Năm 2016, ông D đến nhận giấy CNQSDĐ, nhưng do giấy chứng nhận cũ đang mang tên ông Tạ Văn N1, các bên chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nên UBND xã hướng dẫn ông D hoàn thành thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định nhưng ông D không thực hiện mà đòi giao giấy chứng nhận đã được cấp.

[4] Xét kháng cáo của ông D và bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông D cho rằng, diện tích 46.538m² đất đã được UBND huyện V1 cấp giấy chứng nhận ngày 14/7/2003 là một phần diện tích đất ông D xin giao và đã được UBND xã giao khoảng 07ha ngày 25/11/1996, không phải là phần diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông N1 vì diện tích nhận chuyển nhượng từ ông N1 là 105.165m²; ông D đã lập 02 bộ hồ sơ xin giao đất và chuyển nhượng đất, đã nộp 576.000đ tiền đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/4/1998 và đã cung cấp phiếu thu tiền để Tòa án xem xét.

Xét thấy, căn cứ lời trình bày của ông D tại các đơn khiếu nại năm 2016, năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại TAND huyện V1 trước đây thì ông D đều thừa nhận và cho rằng diện tích 46.538m² đất đã được cấp giấy chứng nhận là một phần diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N1 năm 1996; ông D cho rằng đất ông xin và đã được giao 07ha năm 1996 giáp thửa 164 nhận chuyển nhượng từ ông N1, nhưng đơn xin giao đất của ông D không có vị trí nào giáp đất ông N1 mà chỉ giáp đất ông Nguyễn Khắc Cận như tờ bản đồ số 48 lập năm 2002; UBND xã V và ông Lê Phước Đoài - Nguyên tập đoàn trưởng tập đoàn kinh tế mới đều khẳng định năm 1996 ông D không được giao diện tích đất nào khác ngoài diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng từ ông N1 và đã được UBND huyện V1 cấp giấy CNQSDĐ đất số X434038 theo quyết định số 2314/QĐ-UBND, với diện tích 46.538m² gồm các thửa 99, 100, 102 (gồm một phần diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N1); đối với phiếu thu số tiền 576.000đ cho thấy thời gian thu tiền là ngày 01/4/1998 nhưng trích yếu góc trái của phiếu thu lại ghi “*Mẫu số C30-BB (Ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*”, là mâu thuẫn vì thời gian nộp tiền phát sinh trước thời gian ban hành mẫu phiếu thu do Bộ tài chính phát hành (cách nhau gần 08 năm) và phiếu thu không phải là bản gốc hoặc bản

sao có chứng thực nên không phải là chứng cứ để chứng minh ông D đã nộp lệ phí làm thủ tục xin giao đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy, ông D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh diện tích đất được cấp giấy là đất ông D xin và đã được UBND xã V giao năm 1996, do đó đủ cơ sở khẳng định diện tích đất ông D đã được UBND huyện V1 cấp giấy chứng nhận là một phần diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N1 năm 1996.

[5] Như vậy, diện tích đất ông D và bà L được cấp Giấy chứng nhận là đất nhận chuyển nhượng nhưng từ khi lập giấy chuyển nhượng viết tay, có xác nhận của UBND xã ngày 29/11/1996 cho đến năm 2002 (thời gian đo đạc địa chính và cấp giấy CNQSDĐ) ông D và ông Tạ Văn N1 chưa làm thủ tục chuyển nhượng, chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định, nhưng ngày 26/9/2002 ông D lại có đơn xin đăng ký QSDĐ với tổng diện tích 81.283m² (bao gồm toàn bộ thửa đất 164 diện tích 78.165m² nhận chuyển nhượng từ ông N1, đo đạc lại thành thửa 48, diện tích 81.283m²), UBND xã V vẫn xác nhận và UBND huyện V1 cấp giấy CNQSDĐ đất cho ông D với diện tích 46.538m² đất là sai về trình tự, thủ tục và không đúng diện tích đất ông D xin cấp giấy. Do đó, ngày 09/10/2018 UBND huyện V1 đã ban hành Quyết định số 2828/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý giấy CNQSDĐ số X434038 theo quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 14/7/2003, với diện tích 46.538m² đã cấp cho ông D là đúng quy định tại điểm d khoản 2, 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Do giấy chứng nhận đã cấp cho ông D không đúng quy định của pháp luật nên ông D chưa có quyền sử dụng đối với giấy chứng nhận được cấp năm 2003; sau khi ông D được cấp giấy năm 2003, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Văn phòng đăng ký đất đai huyện và UBND xã V đã thông báo cho các hộ dân đến nhận giấy nhưng ông D không đến nhận, do đó việc không giao giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông D và bà L không phải là lỗi của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã V.

Xét thấy: Hiện nay Giấy CNQSDĐ được cấp đã bị thu hồi, hủy bỏ, ông D và bà L đã rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu giao giấy CNQSDĐ và đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết phần yêu cầu đã rút. Đồng thời Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã V không có lỗi trong việc không giao GCNQSD đất cho ông D như đã nhận định nêu trên, do vậy việc ông D và bà L kháng cáo yêu cầu buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1, UBND xã V và ông Phan Ngọc T1 - Cán bộ địa chính xã V bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra với tổng số tiền 40.800.000đ là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay không có chứng cứ nào mới cần được xem xét đánh giá do vậy đơn kháng cáo của ông D bà L là không cơ sở chấp nhận.

Án phí: Ông D bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị Liễu.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HCST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào khoản 3, 4, 9 Điều 3; khoản 1 Điều 7; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1, 6 và khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L về việc buộc UBND huyện V1, tỉnh Quảng Trị; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V1; UBND Vĩnh Thủy và ông Phan Ngọc T1 (Cán bộ địa chính xã V) giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X434038 theo quyết định cấp đổi giấy CNQSDĐ số 2314/QĐ-UB ngày 14/7/2003 của UBND huyện V1.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L về việc buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1; UBND xã V và ông Phan Ngọc T1 (Cán bộ địa chính xã V) bồi thường thiệt hại ngày công mất thu nhập, chi phí đi lại với số tiền là 40.800.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Án phí: Ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000656 ngày 15/11/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị nay chuyển thành án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành